

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng
Dự án: Nâng cao Năng lực phòng cháy, chữa cháy
rừng tỉnh Bình Định, giai đoạn 2014 - 2016**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014-QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016–2020;

Căn cứ Quyết định số 1938/QĐ-TTg ngày 28/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2014 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 5345/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Kế hoạch và hướng dẫn triển khai thực hiện quyết định số 1938/QĐ-TTg ngày 28/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2014 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 21/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2014-2016; Quyết định số 3781/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 21/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 21/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 1389/TTr-SNN ngày 09/5/2016 và Báo cáo thẩm định số 1388/BC-SNN ngày 09/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Bình Định, giai đoạn 2014-2016 với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2014-2016.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Định.

3. Đại diện chủ đầu tư: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Định.

4. Tổ chức tư vấn lập dự án: Trung tâm Quy hoạch Nông nghiệp nông thôn tỉnh Bình Định.

5. Mục tiêu đầu tư:

a) Mục tiêu chung:

Củng cố tổ chức, nâng cao năng lực cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng từ tỉnh đến huyện, xã. Đặc biệt là lực lượng chuyên ngành để có đủ khả năng kiểm soát cháy rừng, giảm nguy cơ cháy rừng, chữa cháy rừng kịp thời, có hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do cháy rừng gây ra.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Nâng cao khả năng cảnh báo, dự báo nguy cơ cháy rừng; tổ chức phát hiện sớm và thông báo kịp thời, chính xác điểm cháy rừng thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thám;

- Tăng cường củng cố, kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng chuyên ngành từ tỉnh đến địa phương cơ sở;

- Tăng cường đầu tư phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, cơ sở vật chất cho lực lượng Kiểm lâm và các lực lượng phối hợp trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

6. Nội dung phê duyệt điều chỉnh, bổ sung

a) Điều chỉnh, bổ sung các hạng mục

S TT	Danh mục	Nội dung, quy mô đầu tư (<i>Đã điều chỉnh tại Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh Bình Định</i>)	Nội dung phê duyet điều chỉnh
I	Điều chỉnh hạng mục		
a	Điều chỉnh giảm		
-	Xây dựng bảng quy ước bảo vệ rừng	33 bảng	06 bảng

-	Làm đường ranh cản lửa	40 km	17,083 km
-	Máy camera kỹ thuật số	05 cái	0 cái
-	Xe ô tô chở người và thiết bị chữa cháy (hiệu Ford Ranger XL 4 x 4 có thùng)	01 chiếc	0 chiếc
b	Điều chỉnh tăng		
-	Lều bạt 16m ²	06 cái	24 cái
-	Máy định vị cầm tay	37 cái	58 cái
II	Bổ sung hạng mục		
a	<i>Phần xây dựng các hạng mục phòng cháy, chữa cháy rừng</i>		
-	Xây dựng mô hình thí điểm cộng đồng tham gia phòng cháy, chữa cháy rừng.		01 - 02 mô hình
-	Tu sửa panô tuyên truyền bảo vệ rừng.		03 bảng
-	Tu sửa bảng quy ước bảo vệ rừng.		03 bảng
-	Tu sửa đường băng cản lửa		23,226 km
b	<i>Phần mua sắm phương tiện, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy</i>		
-	Máy thổi gió loại nhỏ		24 cái
-	Máy bơm nước đeo vai		60 cái
-	Bộ máy chiếu (màn chiếu, máy chiếu và máy tính xách tay)		01 bộ
-	Vỉ dập lửa		400 cái
-	Câu liềm đa năng		100 cái
-	Cào cỏ		120 cái
-	Rựa		360 cái

b) Cơ cấu bố trí vốn các hạng mục sau điều chỉnh:

Đơn vị tính : đồng

TT	Cơ cấu nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư (Theo Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)	Tổng mức phê duyệt điều chỉnh	Ghi chú
1	Chi phí mua sắm phương tiện, trang thiết bị	3.963.300.000	5.261.440.000	
2	Chi phí các hạng mục xây lắp	5.198.913.000	4.064.092.000	

3	Chi phí quản lý dự án	231.683.000	231.683.000	
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	480.882.000	364.389.000	
5	Chi phí khác	127.057.000	127.057.000	
6	Chi phí dự phòng	495.565.000	448.739.000	
	Tổng cộng	10.497.400.000	10.497.400.000	

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm Quyết định này)

7. Các nội dung còn lại giữ nguyên như nội dung các Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 21/10/2013; Quyết định số 3781/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 và Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung các Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 21/10/2013; Quyết định số 3781/QĐ-UBND ngày 12/11/2014 và Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (17b)



Trần Châu

Phụ lục
DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG
TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN NĂM 2014 - 2016 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2016
(Kèm theo Quyết định số: 1602/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Đơn vị tính	Dự toán sau điều chỉnh được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại QĐ số 2396/QĐ-UBND ngày 07/7/2015		Đã thực hiện kế hoạch năm 2014 và 2015		Dự toán xin điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Dự toán sau điều chỉnh		Dự toán 2016		Ghi chú
				Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	
	Tổng dự toán				10.497,400		6.000,000		0,000		10.497,400		4.133,592	
I	Chi phí xây dựng	Gxd			5.198,913		2.886,051		-1.134,821		4.064,092		1.178,041	
1	Xây dựng panô tuyên truyền bảo vệ rừng (3m x 4m)		bảng	10	715,277	3	214,583	0	54,979	10	770,256	7	555,673	
2	Tu sửa panô tuyên truyền bảo vệ rừng (3m x 4m)		bảng					3	63,181	3	63,181	3	63,181	
3	Xây dựng bảng Quy ước bảo vệ rừng (2m x 3m)		bảng	33	518,859			27	-431,937	6	86,922	6	86,922	
4	Tu sửa bảng Quy ước bảo vệ rừng (2m x 3m)		bảng					3	23,741	3	23,741	3	23,741	
5	Xây dựng bảng cấp dự báo cháy rừng (2m x 3m)		bảng	11	223,681	11	223,681			11	223,681			
6	Xây dựng chòi canh lửa		cái	4	589,073	4	577,236		-11,837	4	577,236			
7	Chốt trực phòng cháy và chữa cháy rừng		chốt	1	287,023	1	280,761		-6,262	1	280,761			
8	Làm đường ranh cản lửa		km	40	1.910,000	17,083	571,779	-22,917	-1.338,221	17,083	571,779			
9	Tu sửa đường ranh cản lửa		km					23,226	148,524	23,226	148,524	23,226	148,524	
10	Làm biển cấm lửa		biển	1.500	75,000	1.500	110,419		35,419	1.500	110,419			
11	Trang thông tin điện tử BVR và PCCCR		trang tin	1	592,000	1	592,000			1	592,000			
12	Bản đồ phân vùng trọng điểm dễ cháy rừng		bản đồ	12	288,000	12	315,592		27,592	12	315,592			
13	Mô hình PCCCR có sự tham gia cộng đồng		mô hình					1 đến 2	300,000	1 đến 2	300,000	1 đến 2	300,000	
II	Chi phí phương tiện, thiết bị (Gtb)	Gtb			3.963,300		2.640,800		1.298,140		5.261,440		2.620,640	
1	Mua sắm phương tiện ô tô	Gtb1			1.660,300		916,300		-744,000		916,30		-	



TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Đơn vị tính	Dự toán sau điều chỉnh được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại QĐ số 2396/QĐ-UBND ngày 07/7/2015		Đã thực hiện kế hoạch năm 2014 và 2015		Dự toán xin điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Dự toán sau điều chỉnh		Dự toán 2016		Ghi chú
				Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	
-	Ô tô chở người và thiết bị chữa cháy (hiệu Ford Ranger XL 4x4 có thùng)		chiếc	1	744,000			-1	-744,000					
-	Ô tô For Everest		chiếc	1	916,300	1	916,300			1	916,300			
2	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ PCCCR	Gtb2			2.303,000		1.724,500		2.042,140		4.345,14		2.620,64	
-	Máy thổi gió loại lớn		cái	40	634,000	40	634,000			40	634,000			
-	Máy thổi gió loại nhỏ		cái					24	144,000	24	144,000	24	144,000	
-	Máy cưa xăng		cái	4	48,800					4	48,800	4	48,800	
-	Máy vi tính để bàn; trang cấp các Trạm Kiểm		bộ	25	287,500	25	287,500			25	287,500			
-	Máy tính xách tay		cái	13	188,500	13	188,500			13	188,500			
-	Máy Camera kỹ thuật số		cái	5	112,850			-5	-112,850					
-	Máy photocopy, trang bị các BCH PCCCR		cái	12	510,000	12	498,000		-12,000	12	498,000			
-	Lều bạt 16 m ²		cái	6	99,000	6	99,000	18	414,000	24	513,000	18	414,000	
-	Võng dù cá nhân		cái	250	87,500	50	17,500			250	87,500	200	70,000	
-	Máy định vị cầm tay Garmin GPS MAP 62SC		cái	37	334,850			21	190,050	58	524,900	58	524,900	
-	Máy bơm nước đeo vai		cái					60	954,000	60	954,000	60	954,000	
-	Vi đập lửa		cái					400	284,000	400	284,000	400	284,000	
-	Câu liềm chữa cháy rừng đa năng		cái					100	52,000	100	52,000	100	52,000	
-	Rựa		cái					360	36,000	360	36,000	360	36,000	
-	Cào cỏ		cái					120	24,000	120	24,000	120	24,000	
-	Bộ máy chiếu (màn chiếu, máy chiếu, máy tính xách tay)		bộ					1	68,940	1	68,940	1	68,940	
III	Chi phí quản lý dự án: GQLDA = (Gxd+Gtb) x 2,524 %	Gqlda			231,683		132,006				231,683		99,677	
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv			480,882		184,394		-116,493		364,389		179,995	

TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Đơn vị tính	Dự toán sau điều chỉnh được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại QĐ số 2396/QĐ-UBND ngày 07/7/2015		Đã thực hiện kế hoạch năm 2014 và 2015		Dự toán xin điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Dự toán sau điều chỉnh		Dự toán 2016		Ghi chú
				Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	
1	Chi phí lập Dự án đầu tư : $G_{tv1} = (G_{xd} + G_{tb}) \times 2,8\% \times 1,1$	Gtv1			282,722		130,703		0,000		282,722		152,019	
-	Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công				45,236		52,760		43,908		89,144		36,384	
-	Tư vấn thẩm định giá				45,236		18,062		-22,174		23,062		5,000	
-	Tư vấn Thuyết minh lập Dự án				192,251		59,881		-21,735		170,516		110,635	
2	Chi phí thẩm tra thiết kế và dự toán: $G_{tv2} = G_{xd} \times (0,206 + 0,2) \% \times 1,1$	Gtv2			22,280		8,035		-12,211		10,069		2,034	
3	Chi phí lựa chọn nhà thầu : $G_{tv3} = G_{xd} \times 0,337 \% + G_{tb} \times 0,287 \% \times 1,1$	Gtv3			31,720				-28,403		3,317		3,317	
4	Chi phí giám sát : $G_{tv4} = G_{xd} \times 2,628 \% \times 1,1$	Gtv4			144,160		45,656		-75,879		68,281		22,625	
V	Các khoản chi khác	Gk			127,057		23,157		0,000		127,057		55,239	
1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng: $G_{k1} = (G_{xd} + G_{tb} + G_{da} + G_{tv}) \times 0,0190\%$	Gk1			1,994		1,994				1,994			
2	Lệ phí đăng ký và bảo hiểm xe ô tô				21,163		21,163				21,163			
3	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu : $G_{k2} = 1.000.000 \text{ đ} \times 3 \text{ năm}$	Gk2			3,000						3,000		3,000	
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán : $G_{k3} = (G_{xd} + G_{tb} + G_{da} + G_{tv}) \times 0,38\%$	Gk3			37,590						37,590		37,590	
5	Chi phí kiểm toán: $G_{k4} = (G_{xd} + G_{tb} + G_{da} + G_{tv}) \times 0,64\%$	Gk3			63,310						63,310		14,649	
VI	Chi phí dự phòng: $G_{dp} = (G_{xd} + G_{tb} + G_{qlda} + G_{tv} + G_{k}) \times 5\%$				495,565		133,592		-46,826		448,739			



Handwritten signature

TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Đơn vị tính	Dự toán sau điều chỉnh được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại QĐ số 2396/QĐ-UBND ngày 07/7/2015		Đã thực hiện kế hoạch năm 2014 và 2015		Dự toán xin điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Dự toán sau điều chỉnh		Dự toán 2016		Ghi chú
				Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	

